



**Công ty TNHH Chứng khoán  
Mirae Asset (Việt Nam)**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Thành lập  
và Hoạt động số**

73/UBCK-GP	ngày 18 tháng 12 năm 2007
109/QĐ-UBCK	ngày 27 tháng 2 năm 2009
218/QĐ-UBCK	ngày 8 tháng 4 năm 2009
411/QĐ-UBCK	ngày 10 tháng 7 năm 2009
65/QĐ-UBCK	ngày 28 tháng 1 năm 2010
23/GPĐC-UBCK	ngày 6 tháng 4 năm 2011
35/GPĐC-UBCK	ngày 12 tháng 8 năm 2013
17/GPĐC-UBCK	ngày 15 tháng 4 năm 2015
421/GPĐC-UBCK	ngày 20 tháng 5 năm 2015
121/GP-UBCK	ngày 8 tháng 1 năm 2016
09/GPĐC-UBCK	ngày 21 tháng 4 năm 2016
12/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 5 năm 2016
05/GPĐC-UBCK	ngày 8 tháng 2 năm 2017
444/QĐ-UBCK	ngày 8 tháng 5 năm 2017
24/GPĐC-UBCK	ngày 15 tháng 6 năm 2017
25/GPĐC-UBCK	ngày 20 tháng 10 năm 2017
43/QĐ-UBCK	ngày 11 tháng 1 năm 2018

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Hội đồng Thành viên**

Ông Seol Kyung Suk	Chủ tịch (từ ngày 1 tháng 1 năm 2018)
Ông Min Kyung Jin	Chủ tịch (từ ngày 20 tháng 3 năm 2017 đến ngày 1 tháng 1 năm 2018)
Ông Byun Jae Sang	Chủ tịch (đến ngày 20 tháng 3 năm 2017)
Ông Kang Moon Kyung	Thành viên
Ông Han Won Dong	Thành viên (từ ngày 1 tháng 1 năm 2018)
Ông Shin Dong Min	Thành viên (từ ngày 20 tháng 3 năm 2017 đến ngày 1 tháng 1 năm 2018)
Ông Kim Dae Hwan	Thành viên (đến ngày 20 tháng 3 năm 2017)

**Ban Kiểm soát**

Ông Ahn Jong Hoon	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Thành viên
Ông Nghiêm Thông	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Kang Moon Kyung	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

**Trụ sở đăng ký**

**Trụ sở chính**

Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien  
3C Tôn Đức Thắng  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội**

Tầng 8, Tòa nhà Sacombank  
27 Hàng Bài  
Quận Hoàn Kiếm  
Hà Nội  
Việt Nam

**Chi nhánh Thành phố  
Hồ Chí Minh**

Tầng 7, Tòa nhà Saigon Royal  
91 Pasteur  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 57 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ông Kang Moon Kyung  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi Chủ sở hữu Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 57.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác trong báo cáo ngày 24 tháng 3 năm 2017, công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này.

### **Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-302/1

---

Trương Vĩnh Phúc  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2018-007-1  
*Phó Tổng Giám Đốc*

---

Trần Đình Vinh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0339-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B01 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND		
<b>TÀI SẢN</b>						
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)</b>		<b>100</b>	<b>2.400.901.621.113</b>	<b>574.080.523.514</b>	
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính (“TSTC”)</b>		<b>110</b>	<b>2.399.486.765.171</b>	<b>572.663.665.946</b>	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền		111	5	40.266.170.795	152.275.399.965
1.1	Tiền		111.1		766.170.795	2.875.399.965
1.2	Các khoản tương đương tiền		112.2		39.500.000.000	149.400.000.000
2	Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)		112	7(a)	208.548.880.705	44.923.063.896
3	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		113	7(b)	1.027.000.000.000	94.000.000.000
4	Các khoản cho vay		114	7(c)	1.072.518.370.780	273.341.333.429
5	TSTC sẵn sàng để bán		115	7(d)	15.848.204.000	7.800.000.000
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính		116	8	(5.858.102.914)	(9.613.827.956)
7	Các khoản phải thu		117	9	39.794.737.252	8.579.201.942
7.1	Phải thu từ bán tài sản tài chính		117.1		134.224.200	-
7.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ TSTC		117.2		39.660.513.052	8.579.201.942
8	Trả trước cho người bán ngắn hạn		118		127.364.500	780.861.070
9	Phải thu các dịch vụ cung cấp		119		560.808.208	150.478.179
10	Các khoản phải thu khác		122		680.331.845	427.155.421
<b>II</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>130</b>		<b>1.414.855.942</b>	<b>1.416.857.568</b>
1	Tạm ứng		131		162.699.101	9.520.101
2	Chi phí trả trước ngắn hạn		133	10(a)	1.219.190.118	1.373.554.348
3	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		134		2.200.000	2.200.000
4	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		135	16(b)	30.766.723	31.583.119
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250)</b>		<b>200</b>		<b>115.295.084.516</b>	<b>131.698.259.365</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính dài hạn</b>		<b>210</b>		<b>91.572.618.000</b>	<b>122.872.618.000</b>
1	Các khoản đầu tư		212		91.000.000.000	122.872.618.000
1.1	Đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		212.1	7(b)	91.000.000.000	122.300.000.000
1.2	Đầu tư dài hạn khác		212.4	7(e)	572.618.000	572.618.000
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>220</b>		<b>7.223.804.556</b>	<b>2.156.504.469</b>
1	Tài sản cố định hữu hình		221	11	5.959.611.205	1.681.444.633
	Nguyên giá		222		15.475.689.597	10.412.911.156
	Giá trị hao mòn lũy kế		223a		(9.516.078.392)	(8.731.466.523)
2	Tài sản cố định vô hình		227	12	1.264.193.351	475.059.836
	Nguyên giá		228		9.296.422.561	8.229.447.240
	Giá trị hao mòn lũy kế		229a		(8.032.229.210)	(7.754.387.404)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B01 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>III Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>	<b>13</b>	-	<b>911.111.111</b>
<b>IV Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>16.498.661.960</b>	<b>5.758.025.785</b>
1 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		2.626.294.000	821.618.290
2 Chi phí trả trước dài hạn	252	10(b)	11.032.061.370	1.921.253.020
3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	18	-	718.739.209
4 Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	14	2.840.306.590	2.296.415.266
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.516.196.705.629</b>	<b>705.778.782.879</b>
<b>C NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>		<b>410.052.673.697</b>	<b>24.815.951.962</b>
<b>I Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>401.501.185.356</b>	<b>24.780.575.720</b>
1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		373.965.000.000	21.300.000.000
1.1 <i>Vay ngắn hạn</i>	312	15	373.965.000.000	21.300.000.000
2 Phải trả người bán	320		520.620.499	-
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	16(a)	9.598.120.364	648.678.874
4 Phải trả người lao động	323		-	18.164.000
5 Chi phí phải trả	325	17	14.858.444.379	2.425.328.314
6 Doanh thu chưa thực hiện	327		303.000.000	388.404.532
7 Các khoản phải trả khác	329		2.256.000.114	-
<b>II Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>8.551.488.341</b>	<b>35.376.242</b>
1 Dự phòng phải trả dài hạn	354		35.376.242	35.376.242
2 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	18	8.516.112.099	-
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.106.144.031.932</b>	<b>680.962.830.917</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.106.144.031.932</b>	<b>680.962.830.917</b>
1 Vốn góp	411		2.000.000.000.000	700.000.000.000
1.1 <i>Vốn góp</i>	411.1	19	2.000.000.000.000	700.000.000.000
2 Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	412		5.331.227.685	-
3 Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		5.275.711.292	11.875.117
4 Quỹ dự phòng tài chính	415		5.275.711.292	11.875.117
5 Lợi nhuận/(lỗ) lũy kế	417		90.261.381.663	(19.060.919.317)
5.1 <i>Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện</i>	417.1		38.796.817.976	(34.298.753.066)
5.2 <i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>	417.2		51.464.563.687	15.237.833.749
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.516.196.705.629</b>	<b>705.778.782.879</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B01 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

	Mã số	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY</b>			
1	005	-	524.170
2	008	60.492.970.000	4.516.820.000
3	009	1.660.000	3.350.000
4	013	60.000	270.000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>			
1	021	4.022.526.740.000	10.771.040.250.000
	021.1	3.869.828.740.000	10.755.150.250.000
	021.2	470.000.000	170.000.000
	021.3	19.000.000.000	
	021.5	133.228.000.000	15.720.000.000
2	022	21.234.650.000	3.595.470.000
	022.1	18.106.750.000	3.595.470.000
	022.2	3.127.900.000	-
3	025	16.627.710.000	16.455.330.000

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B01 – CTCK**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Mã số	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)</b>			
5 Tiền gửi của khách hàng	026	257.686.229.391	44.382.597.217
5.1 Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027	115.791.004.391	37.535.042.717
5.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	141.895.225.000	6.847.554.500
6 Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	257.686.229.391	44.382.597.217
6.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1	169.315.753.575	16.959.218.234
6.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2	88.370.475.816	27.423.378.983

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:

  
Bà Nguyễn Hồng Quyên  
Kế toán viên

Người soát xét:

  
Bà Cao Thị Bảo Lê  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
Ông Kang Moon Kyung  
Tổng Giám đốc

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B02 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>I DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1	01		52.057.827.838	10.037.017.792
	<i>a. Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	01.1 20(a)	12.025.560.677	2.167.251.798
	<i>b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	01.2 20(b)	37.249.332.811	5.877.566.124
	<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	01.3 20(c)	2.782.934.350	1.992.199.870
1.2	02	20(c)	63.785.260.672	19.627.605.571
1.3	03	20(c)	63.296.276.787	19.674.024.472
1.4	04	20(a)	1.166.262.315	-
1.5	06	20(d)	48.772.934.400	13.923.091.173
1.6	08	20(d)	4.065.025.758	4.332.240.263
1.7	09	20(d)	1.338.164.771	743.095.279
1.8	11	20(d)	7.875.126	434.000.000
	<b>20</b>		<b>234.489.627.667</b>	<b>68.771.074.550</b>
<b>II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1	21		1.377.024.169	799.969.626
	<i>a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	21.1 20(a)	354.421.296	609.743.410
	<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	21.2 20(b)	1.022.602.873	190.226.216
2.2	24		2.235.243.068	11.564.029.631
2.3	27	21	55.104.683.639	20.261.092.070
2.4	30		1.593.217.095	1.160.761.437
	<b>40</b>		<b>60.310.167.971</b>	<b>33.785.852.764</b>
<b>III DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1	42		796.434.783	269.841.681
	<b>50</b>		<b>796.434.783</b>	<b>269.841.681</b>
<b>IV CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.1	51		730.000.000	110.673
	<b>60</b>	<b>22</b>	<b>730.000.000</b>	<b>110.673</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

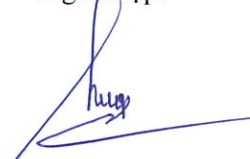
**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B02 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>V CHI PHÍ QUẢN LÝ</b>	<b>62</b>	<b>23</b>	<b>27.842.265.532</b>	<b>15.349.382.494</b>
<b>VI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b> (70 = 20 – 40 + 50 - 60 - 62)	<b>70</b>		<b>146.403.628.947</b>	<b>19.905.570.300</b>
<b>VII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
7.1 Thu nhập khác	71		-	253.939.830
7.2 Chi phí khác	72		5.745.090	17.585.657
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b> (80 = 71 - 72)	<b>80</b>		<b>(5.745.090)</b>	<b>236.354.173</b>
<b>VIII TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b> (90 = 70 + 80)	<b>90</b>		<b>146.397.883.857</b>	<b>20.141.924.473</b>
8.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		110.171.153.919	14.454.584.564
8.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92		36.226.729.938	5.687.339.909
<b>IX CHI PHÍ/(LỢI ÍCH) THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		<b>26.547.910.527</b>	<b>(718.739.209)</b>
9.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	24	17.313.059.219	-
9.2 Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	100.2	24	9.234.851.308	(718.739.209)
<b>X LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b> (200 = 90 - 100)	<b>200</b>		<b>119.849.973.330</b>	<b>20.860.663.682</b>
<b>XI THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC</b>	<b>300</b>		<b>5.331.227.685</b>	<b>-</b>
11.1 Lãi từ đánh giá lại các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	301	20(b)	5.331.227.685	-
<b>XII TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN</b> (400 = 200 + 300)	<b>400</b>		<b>125.181.201.015</b>	<b>20.860.663.682</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:

  
 Bà Nguyễn Hồng Quyên  
 Kế toán viên

Người soát xét:

  
 Bà Cao Thị Bảo Lê  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
 Ông Kang Moon Kyung  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B03b – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1 Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	<b>01</b>	<b>146.397.883.857</b>	<b>20.141.924.473</b>
<b>2 Điều chỉnh cho các khoản</b>	<b>02</b>	<b>(26.690.269.367)</b>	<b>4.863.354.558</b>
Khấu hao và phân bổ	03	1.062.453.675	1.907.426.869
Các khoản dự phòng	04	(3.755.725.042)	9.613.827.956
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	730.000.000	-
Chi phí lãi	06	5.990.968.110	1.950.201.675
Lãi từ hoạt động đầu tư	07	-	(28.900.000)
Dự thu tiền lãi	08	(30.717.966.110)	(8.579.201.942)
<b>3 Chi phí phi tiền tệ</b>	<b>10</b>	<b>1.022.602.873</b>	<b>190.226.216</b>
Lỗi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	1.022.602.873	190.226.216
<b>4 Doanh thu phi tiền tệ</b>	<b>18</b>	<b>(37.249.332.811)</b>	<b>(5.877.566.124)</b>
Lãi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(37.249.332.811)	(5.877.566.124)
<b>5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động (30 = 01 + 02 + 10 + 18)</b>	<b>30</b>	<b>83.480.884.552</b>	<b>19.317.939.123</b>
(Tăng)/giảm các TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	(122.067.859.186)	11.921.831.237
Tăng các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32	(901.700.000.000)	(106.300.000.000)
Tăng các khoản cho vay	33	(799.177.037.351)	(188.258.938.063)
Tăng tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34	(8.048.204.000)	(7.800.000.000)
Tăng phải thu từ bán tài sản tài chính	35	(134.224.200)	-
Tăng/(giảm) cổ tức và tiền lãi phải thu	36	(363.345.000)	4.408.961.112
Tăng các khoản phải thu các dịch vụ cung cấp	37	(410.330.029)	(77.357.811)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác	39	400.320.146	(1.075.646.452)
Tăng các tài sản khác	40	(1.782.190.429)	(12.686.166)
Tăng chi phí phải trả	41	11.666.446.918	286.838.386
Tăng chi phí trả trước	42	(8.956.444.120)	(1.159.207.079)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43	(10.622.160.835)	-
Tiền lãi đã trả	44	(5.224.298.963)	(1.950.201.675)
Tăng phải trả cho người bán	45	520.620.499	-
Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	1.539.803.897	433.445.820
Giảm phải trả người lao động	48	(18.164.000)	(23.590.000)
Tăng/(giảm) phải trả khác	51	2.170.595.582	(636.215.472)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>	<b>(1.758.725.586.519)</b>	<b>(270.924.827.040)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B03b – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(5.218.642.651)	(2.456.556.911)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	62	-	28.900.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>70</b>	<b>(5.218.642.651)</b>	<b>(2.427.656.911)</b>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ việc tăng vốn	71	1.300.000.000.000	400.000.000.000
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	3.613.903.080.279	796.193.757.542
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(3.261.968.080.279)	(809.193.757.542)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>80</b>	<b>1.651.935.000.000</b>	<b>387.000.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)</b>	<b>90</b>	<b>(112.009.229.170)</b>	<b>113.647.516.049</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>101</b>	<b>152.275.399.965</b>	<b>38.627.883.916</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101) (Thuyết minh 5)</b>	<b>103</b>	<b>40.266.170.795</b>	<b>152.275.399.965</b>
▪ Tiền	103.1	766.170.795	2.875.399.965
▪ Các khoản tương đương tiền	103.2	39.500.000.000	149.400.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B03b – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Mã số</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	10.770.738.225.715	3.572.822.553.600
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(13.412.888.699.314)	(3.839.298.591.800)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	2.855.454.105.773	252.944.763.506
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>20</b>	<b>213.303.632.174</b>	<b>(13.531.274.694)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	<b>30</b>	<b>44.382.597.217</b>	<b>57.913.871.911</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)</b>	<b>40</b>	<b>257.686.229.391</b>	<b>44.382.597.217</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	257.686.229.391	44.382.597.217
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	115.791.004.391	37.535.042.717
▪ Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	141.895.225.000	6.847.554.500

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên  
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Cao Thị Bảo Lê  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Kang Moon Kyung  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B04 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Số dư đầu năm tại ngày		Biến động trong năm kết thúc ngày		Số dư cuối năm tại ngày	
	1/1/2017	31/12/2017	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2016	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn góp	300.000.000.000	700.000.000.000	400.000.000.000	1.300.000.000.000	700.000.000.000	2.000.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	11.875.117	11.875.117	-	5.263.836.175	11.875.117	5.275.711.292
Quỹ dự phòng tài chính	11.875.117	11.875.117	-	5.263.836.175	11.875.117	5.275.711.292
(Lỗ)/lợi nhuận lũy kế	(39.921.582.999)	(19.060.919.317)	20.860.663.682	109.322.300.980	(19.060.919.317)	90.261.381.663
(Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện	(49.472.076.839)	(34.298.753.066)	15.173.323.773	73.095.571.042	(34.298.753.066)	38.796.817.976
Lợi nhuận chưa thực hiện	10.546.063.721	15.023.320.604	5.877.566.125	37.249.332.811	16.423.629.846	52.272.653.415
Lỗ chưa thực hiện	(995.569.881)	214.513.145	(190.226.216)	(1.022.602.873)	(1.185.796.097)	(808.089.728)
<b>Tổng cộng</b>	<b>260.102.167.235</b>	<b>680.962.830.917</b>	<b>420.860.663.682</b>	<b>1.419.849.973.330</b>	<b>680.962.830.917</b>	<b>2.100.812.804.247</b>

**Thu nhập toàn diện khác**

Lãi từ đánh giá lại đầu tư sẵn sàng để bán

	-	-	-	5.331.227.685	-	5.331.227.685
--	---	---	---	---------------	---	---------------

**Tổng thu nhập toàn diện**

	<b>260.102.167.235</b>	<b>680.962.830.917</b>	<b>420.860.663.682</b>	<b>1.425.181.201.015</b>	<b>680.962.830.917</b>	<b>2.106.144.031.932</b>
--	------------------------	------------------------	------------------------	--------------------------	------------------------	--------------------------

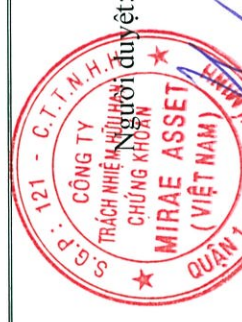
Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:

  
Bà Nguyễn Hồng Quyền  
Kế toán viên

Người soát xét:

  
Bà Cao Thị Bảo Lê  
Kế toán trưởng



Ông Kang Moon Kyung  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Cơ sở thành lập**

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 73/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 12 năm 2007. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần gần nhất là giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK ngày 15 tháng 6 năm 2017 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Theo Quyết định số 43/QĐ-UBCK ngày 11 tháng 1 năm 2017 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành, Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập là một chi nhánh của Công ty.

**(b) Vốn điều lệ của Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn đã góp của Công ty là 2.000 tỷ VND (1/1/2017: 700 tỷ VND).

**(c) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

**(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(e) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 64 nhân viên (1/1/2017: 44 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các công cụ tài chính được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán được đo lường theo giá trị hợp lý. Các phương pháp được sử dụng để xác định giá trị hợp lý được mô tả trong Thuyết minh 3(d). Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua tại ngày báo cáo.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

**(i) Ghi nhận**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

**(ii) Phân loại và đo lường**

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản cho vay và phải thu: xem Thuyết minh 3(f);
- Các TSTC sẵn sàng để bán: xem Thuyết minh 3(g).

Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

**(iii) Chấm dứt ghi nhận**

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

**(iv) Cẩn trừ**

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cẩn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cẩn trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

**(v) Dự phòng tài sản tài chính**

Đối với các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ, lỗ do thay đổi giá trị hợp lý được xác định tại Thuyết minh 3(d) được ghi nhận khoản lỗ do suy giảm giá trị.

Đối với các khoản cho vay và phải thu, Công ty trích lập dự phòng như được trình bày tại Thuyết minh 3(f).

Đối với các TSTC sẵn sàng để bán, Công ty trích lập dự phòng như được trình bày tại Thuyết minh 3(g).

Các khoản lỗ do suy giảm tài sản tài chính, chi phí dự phòng giảm giá đầu tư và chi phí dự phòng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng giảm giá được hoán đổi nếu giá thị trường chứng khoán tăng lên. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ nếu khoản dự phòng không được ghi nhận.

**(d) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL**

Một TSTC được ghi nhận theo FVTPL nếu:

- tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- một công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua tài sản tài chính (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc khớp với giá trên thị trường chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết).

Vào cuối kỳ kế toán năm, tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý được xác định bằng các kỹ thuật định giá trong trường hợp không có giá thị trường.

Giá trị thị trường được xác định như sau:

Đối với các TSTC niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

Đối với các TSTC đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”), giá thị trường là giá đóng cửa tại UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

Đối với các TSTC chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường phi tập trung (“thị trường OTC”), giá thị trường là giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày gần nhất với ngày báo cáo nhưng không quá một tháng tính đến ngày báo cáo được cung cấp bởi 3 công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.

**(e) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- được thực hiện sau khi Công ty thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- có liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

**(f) Các khoản cho vay và phải thu**

Các khoản cho vay và phải thu là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường. Các khoản cho vay và phải thu bao gồm các khoản cho vay ký quỹ và tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay và tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán**

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là tài sản tài chính phi phái sinh được chủ đích phân loại là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- TSTC ghi nhận theo FVTPL;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và phải thu.

Vào cuối kỳ kế toán năm, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý, giá trị hợp lý được xác định như được trình bày tại Thuyết minh 3(d). Thay đổi về giá trị hợp lý của TSTC được ghi nhận là thu nhập toàn diện khác trong vốn chủ sở hữu. Khoản lỗ lũy kế sẽ được ghi nhận là chi phí ngay lập tức khi có bằng chứng khách quan về việc suy giảm giá trị. Khi dừng ghi nhận một TSTC sẵn sàng để bán, số dư lãi hoặc lỗ đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                       |           |
|-----------------------|-----------|
| ▪ phương tiện vận tải | 4 năm     |
| ▪ thiết bị văn phòng  | 4 - 5 năm |
- 

**(i) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Thẻ thành viên câu lạc bộ gôn**

Thẻ thành viên câu lạc bộ gôn được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 38 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng và bảo trì hệ thống, công cụ và dụng cụ. Chi phí sửa chữa văn phòng và bảo trì hệ thống được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 5 năm. Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

**(l) Dự phòng**

Ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày tại Thuyết Minh 3(c), 3(d), 3(e), 3(f) và 3(g). Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(m) Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Các quỹ dự trữ bắt buộc**

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công ty được yêu cầu trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận sau thuế sau khi cân trừ với lỗ lũy kế từ các năm trước trước khi phân phối lợi nhuận:

	<b>Trích lập hàng năm</b>	<b>Số dư tối đa</b>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

**(p) Doanh thu**

**(i) Lãi từ bán các TSTC**

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm lưu ký chứng khoán (“VSD”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và giá trị danh nghĩa của công cụ nợ khi đáo hạn.



**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán**

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

**(iv) Doanh thu tư vấn đầu tư tài chính**

Doanh thu tư vấn đầu tư tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

**(v) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

**(q) Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

**(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

**(t) Số dư bằng không**

Các khoản mục hoặc số dư được quy định trong Thông tư 334 do Bộ Tài Chính ban hành mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**4. Các công cụ tài chính**

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

**(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

**Tài sản đảm bảo**

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Giám đốc theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

**Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	40.259.270.295	152.270.241.965
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (i)	1.027.000.000.000	94.000.000.000
Các khoản cho vay – gộp (ii)	1.072.518.370.780	273.341.333.429
Các khoản phải thu (ii)	39.794.737.252	8.579.201.942
Phải thu các dịch vụ cung cấp (ii)	560.808.208	150.478.179
Các khoản phải thu khác (ii)	680.331.845	427.155.421
Tạm ứng	162.699.101	9.520.101
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.200.000	2.200.000
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn (i)	91.000.000.000	122.300.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	2.626.294.000	821.618.290
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	2.840.306.590	2.296.415.266
	<hr/>	
	2.277.445.018.071	654.198.164.593

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(ii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Ban Giám đốc cũng yêu cầu tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay và phải thu khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Chi tiết phân loại tín dụng của các tài sản tài chính có rủi ro tín dụng như sau:

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Không quá hạn nhưng bị tổn thất	6.015.606.914	13.472.275.456
Không quá hạn và không bị tổn thất	1.107.538.641.171	259.869.057.973
	<hr/>	<hr/>
	1.113.554.248.085	273.341.333.429
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính bị tổn thất:

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chứng khoán niêm yết tại		
▪ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	-	3.517.447.500
▪ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	150.000.000	341.000.000
	<hr/>	<hr/>
	150.000.000	3.858.447.500
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Vay ngắn hạn	373.965.000.000	379.924.547.426	379.924.547.426
Phải trả người bán	520.620.499	520.620.499	520.620.499
Chi phí trích trước	14.858.444.379	14.858.444.379	14.858.444.379
Các khoản phải trả khác	2.256.000.114	2.256.000.114	2.256.000.114
	<b>391.600.064.992</b>	<b>397.559.612.418</b>	<b>397.559.612.418</b>
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Vay ngắn hạn	21.300.000.000	21.426.482.292	21.426.482.292
Chi phí trích trước	2.425.328.314	2.425.328.314	2.425.328.314
	<b>23.725.328.314</b>	<b>23.851.810.606</b>	<b>23.851.810.606</b>

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

Công ty cho rằng rủi ro liên quan đến nghĩa vụ nợ tương đối thấp, có khả năng huy động vốn và các khoản vay với thời hạn dưới 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”).

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2017		1/1/2017	
	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
Vay ngắn hạn	15.000.000	341.025.000.000	-	-

Sau đây là những tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2017	1/1/2017
USD/VND	22.735	22.790

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	
USD (mạnh thêm 1% so với VND) – giảm lợi nhuận thuần sau thuế	2.728.200.000
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	
USD (mạnh thêm 1% so với VND) – giảm lợi nhuận thuần sau thuế	-

Biến động ngược lại của tỷ giá USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận sau thuế của Công ty.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	40.259.270.295	152.270.241.965
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	1.027.000.000.000	94.000.000.000
Các khoản cho vay – thuần	1.066.660.267.866	263.727.505.473
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	91.000.000.000	122.300.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	2.840.306.590	2.296.415.266
Vay ngắn hạn	(373.965.000.000)	(21.300.000.000)

**(iii) Rủi ro thị trường khác**

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL và AFS của Công ty.

TSTC ghi nhận theo FVTPL và AFS của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ban Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Rủi ro về giá chứng khoán vốn đối với các khoản đầu tư niêm yết của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản đầu tư niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại Việt Nam. Ước tính tốt nhất đối với ảnh hưởng đến TSTC và lợi nhuận sau thuế sự thay đổi về chỉ số vốn chủ sở hữu, với tất cả các biến số khác không thay đổi như sau:

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 1/1/2017	
	Thay đổi chỉ số %	Ảnh hưởng đến TSTC VND	Thay đổi chỉ số %	Ảnh hưởng đến TSTC VND
<b>Chỉ số thị trường</b>				
VN Index - Tăng	50	83.419.552.282	15	5.390.767.667
VN Index - Giảm	(50)	(83.419.552.282)	(15)	(5.390.767.667)

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Rủi ro về giá chứng khoán vốn đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết của Công ty, sẵn sàng để bán và các khoản đầu tư khác chủ yếu liên quan đến đầu tư vào chứng khoán vốn tư nhân tại Việt Nam. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để công bố báo cáo tài chính vì không có thông tin về giá thị trường và hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Hệ thống Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.



**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(e) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày đo lường.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính, như sau:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL	157.084.317.018	208.548.880.705	29.685.230.147	44.923.063.896
• <i>Cổ phiếu niêm yết</i>	157.084.183.638	208.548.747.325	29.685.096.767	44.922.930.516
• <i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	133.380	133.380	133.380	133.380
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	40.259.270.295	40.259.270.295	152.270.241.965	152.270.241.965
▪ Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	1.027.000.000.000	(*)	94.000.000.000	(*)
▪ Các khoản cho vay – thuần	1.066.660.267.866	(*)	263.727.505.473	(*)
▪ Các khoản phải thu	39.794.737.252	(*)	8.579.201.942	(*)
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	560.808.208	(*)	150.478.179	(*)
▪ Các khoản phải thu khác	680.331.845	(*)	427.155.421	(*)
▪ Tạm ứng	162.699.101	(*)	9.520.101	(*)
▪ Chăm sóc, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.200.000	(*)	2.200.000	(*)
▪ Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	91.000.000.000	(*)	122.300.000.000	(*)
▪ Chăm sóc, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	2.626.294.000	(*)	821.618.290	(*)
▪ Tiền nợ Quỹ Hỗ trợ thanh toán	2.840.306.590	(*)	2.296.415.266	(*)

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Vay ngắn hạn	(373.965.000.000)	(*)	(21.300.000.000)	(*)
▪ Phải trả người bán	(520.620.499)	(*)	-	-
▪ Chi phí trích trước	(14.858.444.379)	(*)	(2.425.328.314)	(*)
▪ Các khoản phải trả khác	(2.256.000.114)	(*)	-	-

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	6.900.500	5.158.000
Tiền gửi ngân hàng phục vụ hoạt động của Công ty	371.476.120	2.867.525.998
Tiền gửi ngân hàng phục vụ giao dịch chứng khoán	387.794.175	2.715.967
Các khoản tương đương tiền	39.500.000.000	149.400.000.000
	40.266.170.795	152.275.399.965
	40.266.170.795	152.275.399.965

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 27 tỷ VND (1/1/2017: 21,3 tỷ VND) được cầm cố cho các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15).

**6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm**

	<b>2017</b>		<b>2016</b>	
	<b>Khối lượng giao dịch thực hiện</b>	<b>Giá trị giao dịch thực hiện VND</b>	<b>Khối lượng giao dịch thực hiện</b>	<b>Giá trị giao dịch thực hiện VND</b>
<b>a) Công ty</b>				
Cổ phiếu	6.734.041	213.735.932.201	420.433	14.440.201.600
Trái phiếu	3.984.000	421.493.081.800	-	-
<b>b) Nhà đầu tư/khách hàng</b>				
Cổ phiếu	1.484.771.732	28.121.775.291.200	534.803.770	7.671.596.762.900
Trái phiếu	43.442.000	4.636.654.689.800	29.570.000	3.140.469.570.000
	1.538.931.773	33.393.658.995.001	564.794.203	10.826.506.534.500
	1.538.931.773	33.393.658.995.001	564.794.203	10.826.506.534.500

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**7. Tài sản tài chính**

**(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
VNM	19.133.315.695	50.554.418.600	21.888.636.999	37.300.185.600
STB	24.951.489.360	26.359.410.600	2.032.470	1.804.950
VCB	9.428.015.620	12.338.697.600	2.460.000	4.679.400
BVH	9.052.900.159	9.836.922.600	620.865	814.800
CII	9.093.217.605	9.558.888.300	983.020	1.182.300
GAS	6.315.308.048	9.267.610.000	-	-
PVT	6.823.881.143	9.006.360.350	273.870	406.000
MSN	6.923.364.699	8.749.169.000	5.934.500.000	4.795.200.000
EIB	6.745.452.300	7.091.008.100	424.300	306.000
SSI	5.799.246.206	6.828.508.800	777.960	764.400
Khác	52.817.992.803	58.957.753.375	1.854.387.283	2.817.587.066
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
Khác	133.380	133.380	133.380	133.380
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	157.084.317.018	208.548.880.705	29.685.230.147	44.923.063.896

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm (i) Cho Công ty Tài chính Mirae Asset (Việt Nam) vay có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm (ii)	837.000.000.000	(*)	94.000.000.000	(*)
	190.000.000.000	(*)	-	(*)
	1.027.000.000.000	(*)	94.000.000.000	(*)
Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 1 năm (iii)	91.000.000.000	(*)	122.300.000.000	(*)
	1.118.000.000.000	(*)	216.300.000.000	(*)

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền gửi tại ngân hàng có lãi suất dao động từ 6,80% đến 7,00% một năm (1/1/2017: từ 5,90% đến 6,60% một năm).
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản cho vay đối với Công ty Tài chính Mirae Asset (Việt Nam), một công ty liên quan, có lãi suất 8,00% một năm.
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền gửi tại ngân hàng có lãi suất dao động từ 7,55% đến 7,60% một năm (1/1/2017: từ 7,10% đến 7,50% một năm).

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm 159 tỷ VND (1/1/2017: Không có) đã được dùng để cầm cố tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 15).

**(c) Các khoản cho vay**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ (i)	976.561.254.734	(*)	258.401.630.768	(*)
Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng (ii)	95.957.116.046	(*)	14.939.702.661	(*)
	1.072.518.370.780	(*)	273.341.333.429	(*)

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

- (i) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc là 90 ngày và hưởng lãi suất ngày từ 0,028% đến 0,039% (1/1/2017: từ 0,028% đến 0,039% một ngày). Tỷ lệ ký quỹ ban đầu và tỷ lệ ký quỹ duy trì lần lượt là 50% và 40%.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng được hưởng lãi suất ngày là 0,033% (1/1/2017: từ 0,024% đến 0,033% một ngày) và có thời hạn gốc từ 1 ngày đến 2 ngày.

**(d) TSTC sẵn sàng để bán**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam (i)	10.516.976.315	15.848.204.000	7.800.000.000	(*)

- (i) Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam (“SMV”) là một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Kinh doanh số 2300323118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 19 tháng 2 năm 2008. Các hoạt động chính của công ty này bao gồm sản xuất và kinh doanh thiết bị điện. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty sở hữu 2,87% vốn chủ sở hữu của SMV (1/1/2017: 2,66%).

**(e) Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH Mirae Asset Realty Việt Nam (i)	572.618.000	(*)	572.618.000	(*)

- (i) Công ty TNHH Mirae Asset Realty Việt Nam (“Mirae Asset Realty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000515 ngày 22 tháng 4 năm 2010 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp. Các hoạt động chính của Mirae Asset Realty là cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản. Đầu tư của Công ty chiếm 14,99% tổng vốn điều lệ của Mirae Asset Realty.

- (\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để trình bày trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường và hiện tại không có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**8. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính**

	Giá gốc tại ngày 31/12/017 VND	Số đầu năm tại ngày 1/1/2017 VND	Dự phòng trích lập trong năm VND	Dự phòng hoàn nhập trong năm VND	Dự phòng sử dụng trong năm VND	Số dư tại ngày 31/12/2017 VND
Cho vay giao dịch ký quỹ	6.015.606.914	9.613.827.956	-	(3.755.725.042)	-	5.858.102.914
<b>2016</b>	<b>Giá gốc tại ngày 1/1/2016 VND</b>	<b>Số đầu năm tại ngày 1/1/2016 VND</b>	<b>Dự phòng trích lập trong năm VND</b>	<b>Dự phòng hoàn nhập trong năm VND</b>	<b>Dự phòng sử dụng trong năm VND</b>	<b>Số dư tại ngày 31/12/2016 VND</b>
Cho vay giao dịch ký quỹ	77.449.191.733	-	9.613.827.956	-	-	9.613.827.956

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**9. Các khoản phải thu**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dự thu	39.297.168.052	8.579.201.942
Phải thu từ cổ tức	363.345.000	-
Phải thu từ bán tài sản tài chính	134.224.200	-
	<hr/>	<hr/>
	39.794.737.252	8.579.201.942
	<hr/>	<hr/>

**10. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Học phí cho con của nhân viên người nước ngoài	904.145.355	834.505.000
Chi phí trả trước cho thuê hoạt động	101.192.857	405.360.000
Các khoản trả trước ngắn hạn khác	213.851.906	133.689.348
	<hr/>	<hr/>
	1.219.190.118	1.373.554.348
	<hr/>	<hr/>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Sửa chữa văn phòng và bảo trì hệ thống	5.986.804.099	891.716.063
Phí thành viên câu lạc bộ golf	956.404.634	987.591.690
Thiết bị văn phòng	3.968.852.637	41.945.267
Phí tư vấn	120.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	11.032.061.370	1.921.253.020
	<hr/>	<hr/>



**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.921.253.020	1.645.325.640
Tăng trong năm	10.877.569.455	1.309.032.432
Phân bổ trong năm	(1.766.761.105)	(1.033.105.052)
	11.032.061.370	1.921.253.020

**11. Tài sản cố định hữu hình**

<b>2017</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	894.800.000	9.518.111.156	10.412.911.156
Tăng trong năm	-	5.062.778.441	5.062.778.441
	894.800.000	14.580.889.597	15.475.689.597
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	894.800.000	7.836.666.523	8.731.466.523
Khấu hao trong năm	-	784.611.869	784.611.869
	894.800.000	8.621.278.392	9.516.078.392
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	-	1.681.444.633	1.681.444.633
Số dư cuối năm	-	5.959.611.205	5.959.611.205

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

2016	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	4.455.869.359	8.947.452.883	13.403.322.242
Tăng trong năm	-	1.045.382.800	1.045.382.800
Thanh lý	(3.561.069.359)	(474.724.527)	(4.035.793.886)
Số dư cuối năm	894.800.000	9.518.111.156	10.412.911.156
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.455.869.359	7.782.379.740	12.238.249.099
Khấu hao trong năm	-	529.011.310	529.011.310
Thanh lý	(3.561.069.359)	(474.724.527)	(4.035.793.886)
Số dư cuối năm	894.800.000	7.836.666.523	8.731.466.523
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	-	1.165.073.143	1.165.073.143
Số dư cuối năm	-	1.681.444.633	1.681.444.633

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 7.934.310.478 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (1/1/2017: 7.934.310.478 VND).

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>2017</b> <b>Phần mềm</b> <b>máy vi tính</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>Phần mềm</b> <b>máy vi tính</b> <b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	8.229.447.240	7.729.384.240
Tăng trong năm	155.864.210	500.063.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	911.111.111	-
Số dư cuối năm	9.296.422.561	8.229.447.240
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	7.754.387.404	6.375.971.845
Khấu hao trong năm	277.841.806	1.378.415.559
Số dư cuối năm	8.032.229.210	7.754.387.404
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	475.059.836	1.353.412.395
Số dư cuối năm	1.264.193.351	475.059.836

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 7.729.384.240 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (1/1/2016: 7.729.384.240 VND).

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/12/2017</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2017</b> <b>VND</b>
Phần mềm máy vi tính	-	911.111.111

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Biến động xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	<b>2017</b>
	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	911.111.111
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(911.111.111)
	-
Số dư cuối năm	-

**14. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	2.840.306.590	2.296.415.266
	2.840.306.590	2.296.415.266

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	2.296.415.266	2.106.970.104
Tiền nộp thêm trong năm	412.773.672	66.684.828
Tiền lãi nhận được trong năm	131.117.652	122.760.334
	2.840.306.590	2.296.415.266

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**15. Vay ngắn hạn**

Số dư tại ngày 1/1/2017 VND	Số vay trong năm VND	(Số trả trong năm) VND	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Số dư tại ngày 31/12/2017 VND																		
21.300.000.000	3.613.903.080.279	(3.261.968.080.279)	730.000.000	373.965.000.000																		
<b>Vay ngắn hạn</b>																						
<p>Các điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn chưa thanh toán như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tiền tệ</th> <th>31/12/2017 VND</th> <th>1/1/2017 VND</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Korea Development Bank – Chi nhánh Singapore (*)</td> <td>USD 227.350.000.000</td> <td>-</td> </tr> <tr> <td>Mirae Assets Securities (HK) Limited (**)</td> <td>USD 113.675.000.000</td> <td>-</td> </tr> <tr> <td>Shinhan Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (*)</td> <td>VND 32.940.000.000</td> <td>-</td> </tr> <tr> <td>KEB Hana Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (*)</td> <td>VND -</td> <td>21.300.000.000</td> </tr> <tr> <td></td> <td><b>373.965.000.000</b></td> <td><b>21.300.000.000</b></td> </tr> </tbody> </table>					Tiền tệ	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	Korea Development Bank – Chi nhánh Singapore (*)	USD 227.350.000.000	-	Mirae Assets Securities (HK) Limited (**)	USD 113.675.000.000	-	Shinhan Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (*)	VND 32.940.000.000	-	KEB Hana Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (*)	VND -	21.300.000.000		<b>373.965.000.000</b>	<b>21.300.000.000</b>
Tiền tệ	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND																				
Korea Development Bank – Chi nhánh Singapore (*)	USD 227.350.000.000	-																				
Mirae Assets Securities (HK) Limited (**)	USD 113.675.000.000	-																				
Shinhan Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (*)	VND 32.940.000.000	-																				
KEB Hana Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (*)	VND -	21.300.000.000																				
	<b>373.965.000.000</b>	<b>21.300.000.000</b>																				

Các khoản vay này có lãi suất giao động từ 2,14% đến 5,30% một năm (1/1/2017: 5,30% một năm).

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản vay này được bảo lãnh bởi Công ty Chứng khoán Mirae Asset (HK), công ty mẹ của Công ty, thông qua Thư Bảo lãnh được ký vào ngày 24 tháng 3 năm 2017 và được đảm bảo bởi tiền gửi tại chính các ngân hàng cho vay với giá trị ghi số là 186 tỷ VND (1/1/2017: 21,3 tỷ VND) (Thuyết minh 5 và Thuyết minh 7(b)).

(\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản vay từ Mirae Assets Securities (HK) Limited, một công ty mẹ, không được đảm bảo.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**16. Thuế và các khoản phải trả cho và phải thu khác từ Nhà nước**

<b>(a) Các khoản phải trả Nhà nước</b>	<b>1/1/2017 VND</b>	<b>Phát sinh VND</b>	<b>(Đã trả) VND</b>	<b>31/12/2017 VND</b>
<b>Các loại thuế</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	18.031.798.428	(10.622.160.835)	7.409.637.593
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	197.159.685	2.104.687.023	(1.925.425.654)	376.421.054
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	342.526.637	7.010.720.847	(5.985.484.641)	1.367.762.843
Thuế nhà thầu nước ngoài	70.106.239	1.931.474.895	(1.726.959.550)	274.621.584
Các loại phí và lệ phí khác	38.886.313	1.301.444.041	(1.170.653.064)	169.677.290
	648.678.874	30.380.125.234	(21.430.683.744)	9.598.120.364
<b>2016</b>	<b>1/1/2016 VND</b>	<b>Phát sinh VND</b>	<b>(Đã trả) VND</b>	<b>31/12/2016 VND</b>
<b>Các loại thuế</b>				
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	132.873.771	1.496.029.387	(1.431.743.474)	197.159.685
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	79.273.657	2.406.958.823	(2.143.705.843)	342.526.637
Thuế nhà thầu nước ngoài	1.117.884	962.525.247	(893.536.892)	70.106.239
Các loại phí và lệ phí khác	1.967.741	415.221.665	(378.303.093)	38.886.313
	215.233.053	5.280.735.122	(4.847.289.302)	648.678.874

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	1/1/2017 VND	Phát sinh VND	(Ghi nhận vào chi phí) VND	31/12/2017 VND
<b>(b) Các khoản phải thu khác từ Nhà nước</b>				
<b>2017</b>				
<b>Các khoản phải thu khác từ Nhà nước</b>				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	31.583.119	-	(816.396)	30.766.723
<b>2016</b>				
<b>Các khoản phải thu khác từ Nhà nước</b>				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.772.711	28.810.408	-	31.583.119

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**17. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lương tháng 13	8.953.370.737	1.234.828.000
Chi phí môi giới chứng khoán	1.733.377.637	369.913.230
Chi phí giao dịch chứng khoán	1.306.013.810	383.594.847
Chi phí tư vấn	937.700.000	210.459.096
Chi phí lãi	766.669.147	-
Các chi phí khác	1.161.313.048	226.533.141
	<hr/>	<hr/>
	14.858.444.379	2.425.328.314
	<hr/>	<hr/>

**18. Tài sản và phải trả thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
- Lỗ tính thuế	-	4.003.465.178
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL và đầu tư sẵn sàng để bán	(8.516.112.099)	(3.284.725.969)
	<hr/>	<hr/>
<b>Tài sản/(phải trả) thuế thu nhập hoãn lại – thuần</b>	(8.516.112.099)	718.739.209
	<hr/>	<hr/>



**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**19. Vốn góp**

Vốn pháp định được duyệt và đã góp của Công ty là:

	<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	
	<b>VND</b>	<b>%</b>
Mirae Asset Securities (HK) Limited	2.000.000.000.000	100%

---

	<b>Tại ngày 1/1/2017</b>	
	<b>VND</b>	<b>%</b>
Mirae Asset Securities (HK) Limited	700.000.000.000	100%

Công ty mẹ, Mirae Asset Securities (HK) Limited (trước đây gọi là Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited), và công ty mẹ cấp cao nhất, Mirae Asset Capital Company Limited, được thành lập lần lượt tại Hồng Kông và Hàn Quốc.

Biến động vốn điều lệ trong năm như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	700.000.000.000	300.000.000.000
Vốn góp trong năm	1.300.000.000.000	400.000.000.000
Số dư cuối năm	2.000.000.000.000	700.000.000.000

Ngày 19 tháng 5 năm 2017, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã phê duyệt hồ sơ đăng ký của Công ty để tăng vốn điều lệ. Ngày 15 tháng 6 năm 2017, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 2.000 tỷ VND.

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2017, Công ty đã được góp vốn đủ bởi Mirae Asset Securities (HK) Limited.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**20. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh**

<b>(a) Lãi/(lỗ) từ việc bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL và sẵn sàng để bán</b>	<b>Giá bán trung bình VND</b>	<b>Tiền thu được VND</b>	<b>Tổng giá vốn VND</b>	<b>Lãi từ bán chứng khoán VND</b>	<b>Lỗ từ bán chứng khoán VND</b>
<b>2017</b>	<b>Số lượng</b>				
<b>Các TSTC ghi nhận theo FVTPL</b>					
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>2.392.913</b>	<b>233.730.587.907</b>	<b>222.059.448.526</b>	<b>12.025.560.677</b>	<b>(354.421.296)</b>
VJC	338.840	38.088.898.000	32.274.993.491	5.983.428.808	(172.322.363)
VNM	65.500	8.634.046.000	4.827.682.114	3.806.363.886	-
BVH	30.800	1.861.859.000	1.970.067.906	-	(108.208.906)
Khác	1.957.773	185.145.784.907	182.986.705.015	2.232.969.919	(73.890.027)
<b>Đầu tư sẵn sàng để bán</b>	<b>1.042.930</b>	<b>18.748.830.000</b>	<b>17.582.567.685</b>	<b>1.166.262.315</b>	<b>-</b>
SMV	42.930	1.748.830.000	1.082.567.685	666.262.315	-
HDB	1.000.000	17.000.000.000	16.500.000.000	500.000.000	-
	<b>3.435.843</b>	<b>492.755</b>	<b>239.642.016.211</b>	<b>13.191.822.992</b>	<b>(354.421.296)</b>

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(a) Lãi/(lỗ) từ việc bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL và sẵn sàng để bán (tiếp theo)**

2016	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Tổng giá vốn VND	Lãi từ bán chứng khoán VND	Lỗ từ bán chứng khoán VND
<b>Các TSTC ghi nhận theo FVTPL</b>						
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>						
FPT	163.506	45.605	7.456.744.100	6.197.920.650	1.258.823.450	-
MWG	15.500	135.700	2.103.350.000	1.244.000.000	859.350.000	-
REE	148.073	20.609	3.051.700.250	3.644.414.260	-	(592.714.010)
Khác	67.027	15.468	1.036.781.576	1.004.732.628	49.078.348	(17.029.400)
	394.106	34.632	13.648.575.926	12.091.067.538	2.167.251.798	(609.743.410)

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(b) Lãi/(lỗ) đánh giá lại các TSTC	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày		Chênh lệch đánh giá lại cho năm 2017 VND
			31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	
2017					
TSTC ghi nhận theo FVTPL	157.084.317.018	208.548.880.705	51.464.563.687	15.237.833.749	36.226.729.938
Có phiếu niêm yết	157.084.317.018	208.548.880.705	51.464.563.687	15.237.833.749	36.226.729.938
Bao gồm:					
- Lãi từ đánh giá lại					37.249.332.811
- Lỗ từ đánh giá lại					(1.022.602.873)
<b>Đầu tư sẵn sàng để bán - SMV</b>	<b>10.516.976.315</b>	<b>15.848.204.000</b>	<b>5.331.227.685</b>	<b>-</b>	<b>5.331.227.685</b>
2016					
TSTC ghi nhận theo FVTPL	29.685.230.148	44.923.063.896	15.237.833.748	9.550.493.840	5.687.339.908
Có phiếu niêm yết	29.685.230.148	44.923.063.896	15.237.833.748	9.550.493.840	5.687.339.908
Bao gồm:					
- Lãi từ đánh giá lại					5.877.566.124
- Lỗ từ đánh giá lại					(190.226.216)

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(c) Cổ tức, thu nhập lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL, giữ đến ngày đáo hạn, các khoản vay và phải thu**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Từ TSTC giữ đến ngày đáo hạn	63.785.260.672	19.627.605.571
▪ <i>Thu nhập từ tiền gửi có kỳ hạn</i>	57.965.260.672	19.627.605.571
▪ <i>Thu nhập từ cho công ty liên quan vay</i>	5.820.000.000	-
Từ các khoản vay và phải thu	63.296.276.787	19.674.024.472
▪ <i>Thu nhập từ hoạt động ký quỹ</i>	57.114.160.221	18.591.166.814
▪ <i>Thu nhập từ dịch vụ tạm ứng</i>	6.182.116.566	1.082.857.658
Từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	2.782.934.350	1.992.199.870
▪ <i>Cổ tức</i>	2.782.934.350	1.992.199.870
	<hr/>	<hr/>
	129.864.471.809	41.293.829.913
	<hr/>	<hr/>

**(d) Doanh thu không phải là thu nhập từ các TSTC**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu từ môi giới chứng khoán	48.772.934.400	13.923.091.173
Doanh thu từ tư vấn tài chính	4.065.025.758	4.332.240.263
Doanh thu từ lưu ký chứng khoán	1.338.164.771	743.095.279
Doanh thu từ các hoạt động khác	7.875.126	434.000.000
	<hr/>	<hr/>
	54.184.000.055	19.432.426.715
	<hr/>	<hr/>

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**21. Chi phí môi giới chứng khoán**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lương	21.405.794.681	8.092.930.140
Chi phí hoa hồng	13.284.498.032	2.803.015.580
Chi phí môi giới	9.071.125.936	2.850.781.071
Chi phí thuê	2.359.270.448	1.187.542.388
Máy tính và các chi phí liên quan	2.176.206.085	1.397.849.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.910.505.997	820.244.846
Thuê giá trị gia tăng không được khấu trừ	1.505.699.406	397.089.524
Khấu hao tài sản cố định	733.795.498	1.488.826.950
Chi phí giao tế	528.747.857	345.423.540
Chi phí công tác	379.948.166	208.617.109
Chi phí khác	1.749.091.533	668.771.920
	55.104.683.639	20.261.092.070
	55.104.683.639	20.261.092.070

**22. Chi phí tài chính**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	730.000.000	-
Chi phí tài chính khác	-	110.673
	730.000.000	110.673
	730.000.000	110.673

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**23. Chi phí quản lý**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lương	13.274.307.269	7.575.673.921
Chi phí dịch vụ chuyên môn	6.582.585.620	1.961.122.498
Chi phí thuê	2.879.461.749	1.711.442.531
Chi phí dịch vụ mua ngoài	881.294.363	699.984.563
Chi phí giải trí	731.339.630	539.924.745
Thuế, phí và lệ phí	685.145.778	511.912.255
Chi phí vận chuyển	659.685.884	658.113.569
Máy vi tính và các chi phí liên quan	451.389.105	346.863.293
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	328.658.177	418.599.919
Chi phí công tác	281.266.947	318.775.395
Chi phí văn phòng phẩm	52.164.891	37.460.489
Chi phí khác	1.034.966.119	569.509.316
	<hr/>	<hr/>
	27.842.265.532	15.349.382.494
	<hr/>	<hr/>

**24. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện tại</b>		
Năm nay	17.313.059.219	-
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	9.234.851.308	(718.739.209)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	26.547.910.527	(718.739.209)
	<hr/>	<hr/>

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	146.397.883.857	20.141.924.473
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	29.279.576.771	4.028.384.895
Thu nhập không bị tính thuế	(556.586.870)	(398.439.974)
Thay đổi trong chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	1.784.984.746	(1.894.252.434)
Chi phí không được khấu trừ	20.831.384	75.318.639
Lỗi tính thuế được khấu trừ	(3.980.895.504)	(2.529.750.335)
	<b>26.547.910.527</b>	<b>(718.739.209)</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.



**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Mirae Asset Securities (HK) Limited (trước đây là Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited)</b>		
Góp vốn	1.300.000.000.000	400.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	113.450.000.000	-
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Mirae Asset Daewoo Co., Ltd. (trước đây gọi là Mirae Asset Securities Co., Ltd)</b>		
Doanh thu từ môi giới chứng khoán	3.745.318.254	677.949.531
<b>Công ty Tài chính Mirae Asset (Việt Nam)</b>		
Thanh toán khoản vay	190.000.000.000	-
<b>Mirae Asset Global Investment Company</b>		
Doanh thu từ môi giới chứng khoán	-	484.562.546
<b>Mirae Asset Exim Investment Co., Ltd</b>		
Doanh thu từ dịch vụ lưu ký	-	272.578.573
<b>Công ty TNHH Mirae Asset Realty</b>		
Chi trả hộ	368.375.965	63.264.320
<b>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt – Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị</b>		
Thu nhập	2.198.944.000	2.202.775.516

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**26. Các cam kết**

***Cam kết thuê***

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	10.112.097.280	2.950.841.300
Từ hai đến năm năm	27.571.181.200	4.154.560.300
	<hr/>	<hr/>
	37.683.278.480	7.105.401.600

**27. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Bà Nguyễn Hồng Quyên  
*Kế toán viên*

Người soát xét:

Bà Cao Thị Bảo Lê  
*Kế toán trưởng*

Người duyệt:



Ông Kang Moon Kyung  
*Tổng Giám đốc*